TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2026/KDTM-PT
Ngày: 10/4/2026
V/v Tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Mai Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2026/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 1 năm 2026 về vụ việc: "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 137/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực W, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 866/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP B**; Địa chỉ: Đường N1, Phường C1 (Phường D1, Quận E1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lý Hoài V** – Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng A** và ông **Chu Quốc T**; Địa chỉ liên lạc: Đường F1, phường G1, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 458/26/BVBank/UQ-QL&THN ngày 19/3/2026).

- *Bị đơn:* Ông **Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4**; Địa chỉ: Đường K1, phường H2 (phường M1, quận G3 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Thành T1**, sinh năm 1979 và bà **Vũ Thị L**, sinh năm 1988; địa chỉ liên lạc: Đường I2, phường Y1, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 29/7/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1952; Cư trú: Tổ Q2 Ấp P2, xã K2 (xã K2, huyện C3 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1945;
3. Bà **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1977;
4. Ông **Huỳnh Văn N**, sinh năm 1942;
5. Bà **Huỳnh Thị Kim C**, sinh năm 1971;
6. Ông **Huỳnh Vân N1**, sinh năm 1974;
7. Ông **Huỳnh Tấn L1**, sinh năm 2004;
8. Trẻ **Huỳnh Minh T3**, sinh năm 2012

Người đại diện hợp pháp của trẻ Thư: Ông **Huỳnh Vân N1**

Cùng địa chỉ: Đường P2, Ấp S1, xã U1 (xã X1, huyện Z1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: **Ngân hàng TMCP B**, là nguyên đơn và bà **Nguyễn Thị M**, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của đại diện nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP B có ký với ông Lâm Quang Thanh N - Chủ DNTN kinh doanh vàng T4 Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 005/HMTD-2011 ngày 19/01/2011; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng bổ sung số 005/HMTDBS-2011 ngày 08/10/2011; Hợp đồng tín dụng số 014/TD-2011 ngày 20/01/2011; Hợp đồng tín dụng số 224/TD-2011 ngày 08/10/2011 với nội dung chi tiết như sau:

- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 005/HMTD-2011 ngày 19/01/2011; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng bổ sung số 005/HMTDBS-2011 ngày 08/10/2011, chi tiết như sau:

+ Tổng hạn mức cấp tín dụng: 14.150.000.000 đồng;

+ Hạn mức cấp tín dụng bổ sung: 1.150.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Vay vốn, cấp chứng thư bảo lãnh;

+ Thời hạn vay: 02 năm đến hết ngày 19/01/2013;

+ Lãi suất cho vay: Theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ;

- Hợp đồng tín dụng số 014/TD-2011 ngày 20/01/2011 (cấp tín dụng theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 005/HMTD-2011 ngày 19/01/2011), chi tiết như sau:

+ Số tiền vay: 13.000.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Thời hạn vay: 12 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng: 20/01/2012;

+ Lãi suất trong hạn: 20%/năm.

+ Lãi phạt quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, được tính trên số vốn gốc bị quá hạn và số ngày quá hạn.

+ Lãi phạt chậm trả lãi: 150% lãi suất trong hạn, được tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả.

+ Mức lãi suất cho vay sẽ thay đổi theo lãi suất do Ngân hàng TMCP B công bố trong từng thời kỳ.

- Hợp đồng tín dụng số 224/TD-2011 ngày 08/10/2011 (cấp tín dụng theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng bổ sung số 005/HMTDBS-2011 ngày 08/10/2011), chi tiết như sau:

+ Số tiền vay: 1.150.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Thời hạn vay: 06 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng: 08/4/2012;

+ Lãi suất trong hạn: 23%/năm. Lãi phạt quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, được tính trên số vốn gốc bị quá hạn và số ngày quá hạn.

+ Lãi phạt chậm trả lãi: 150% lãi suất trong hạn, được tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả.

+ Mức lãi suất cho vay sẽ thay đổi theo lãi suất do Ngân hàng TMCP B công bố trong từng thời kỳ.

Ngân hàng TMCP B đã giải ngân cho DNTN kinh doanh vàng T tổng số tiền là 14.150.000.000 đồng, cụ thể theo các giấy nhận nợ như sau:

- Giấy nhận nợ số: 01/014/TD-2011 ngày 20/01/2011:

+ Số tiền giải ngân: 2.000.000.000 đồng;

+ Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Thời hạn vay: từ ngày 20/11/2011 đến ngày 20/11/2012;

+ Lãi suất cho vay: 20%/năm.

- Giấy nhận nợ số: 02/014/TD-2011 ngày 21/01/2011:

+ Số tiền giải ngân: 11.000.000.000 đồng;

+ Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Thời hạn vay: từ ngày 21/01/2011 đến ngày 21/01/2012;

+ Lãi suất cho vay: 20%/năm.

- Giấy nhận nợ số: 01/224/TD-2011 ngày 13/10/2011:

+ Số tiền giải ngân: 885.000.000 đồng;

+ Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Thời hạn vay: từ ngày 13/10/2011 đến ngày 08/4/2012;

+ Lãi suất cho vay: 23%/năm.

- Giấy nhận nợ số: 02/224/TD-2011 ngày 11/11/2011:

+ Số tiền giải ngân: 265.000.000 đồng;

+ Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Thời hạn vay: từ ngày 11/11/2011 đến ngày 08/4/2012;

+ Lãi suất cho vay: 23%/năm.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay nêu trên bà Nguyễn Thị M đã ký với Ngân hàng TMCP B Hợp đồng thể chấp số 009/TC-2011 được Phòng Công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 19/01/2011; Hợp đồng thế chấp số 010/TC- 2011 được Phòng Công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 20/01/2011. Tài sản thế chấp chi tiết như sau:

- Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số: 120, 121, 122, 123, 124, 113, 114, 110, 111, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: xã U1 (xã X1, huyện Z1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành C309491, số vào số cấp giấy chứng nhận 03. QSDĐ/1133 do UBND huyện Z1 cấp ngày 20/10/1997. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Z1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/01/2011.

- Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số: 20-1, tờ bản đồ số 20-sơ đồ nền, địa chỉ: số Đường P2, Ấp S1, xã U1 (xã X1, huyện Z1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 695/2003 do UBND huyện Z1 cấp ngày 09/10/2003. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Z1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/01/2011.

Đến nay, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, tuy nhiên ông Lâm Quang Thanh N - Chủ DNTN kinh doanh vàng T vẫn không trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP B, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các nội dung cam kết, thỏa thuận mà hai bên đã ký.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm tính đến ngày 24/10/2022 là: 69.446.544.211 đồng, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 014/TD-2011 ngày 20/01/2011, chi tiết như sau:

+ Gốc: 13.000.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn: 963.444.444 đồng

+ Lãi chậm trả lãi: 3.668.648.674 đồng

+ Lãi phạt chậm gốc: 48.961.249.999 đồng

Tổng cộng: 66.593.343.117 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 224/TD-2011 ngày 08/10/2011, chi tiết như sau:

+ Gốc: 50.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn: 124.739.861 đồng

+ Lãi chậm trả lãi: 468.879.983 đồng

+ Lãi phạt chậm gốc: 2.209.581.250 đồng

Tổng cộng: 2.853.201.094 đồng.

2. Buộc ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 phải chịu toàn bộ số tiền lãi, lãi phạt, phí phát sinh kể từ ngày 25/10/2022 theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thi hành xong.

3. Trường hợp ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ dư nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

4. Buộc nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại Ngân hàng thì ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 vẫn tiếp tục nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

5. Buộc ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 phải chịu toàn bộ chi phí trong quá trình tố tụng.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 05/6/2025 bà Nguyễn Thị M là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà và ông Nhân trước đây có làm ăn chung. Ngày 19/01/2011 bà có ký Hợp đồng thế chấp số 009/TC-2011 và ngày 20/01/2011 bà có ký Hợp đồng thế chấp số 010/TC-2011 tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà để bảo lãnh cho các khoản vay tín dụng của Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T tại Ngân hàng TMCP Gia Định (Nay là Ngân hàng TMCP B), cụ thể:

+ Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số: 120, 121, 122, 123, 124, 113, 114, 110, 111, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: xã U1 (xã X1, huyện Z1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành C309491, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 03.QSDĐ/1133 do UBND huyện Z1 cấp ngày 20/10/1997.

+ Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số: 120-1, tờ bản đồ số 20- sơ đồ nền, địa chỉ: Đường P2, Ấp S1, xã U1 (xã X1, huyện Z1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 695/2003 do UBND huyện Z1 cấp ngày 09/10/2003.

Nay Ngân hàng khởi kiện bà có ý kiến như sau:

Hiện nay Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 13.050.000.000 đồng. Do bà có ký thế chấp tài sản của bà để bảo lãnh cho khoản vay của Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T nên bà đồng ý trả nợ thay cho Ngân hàng. Bản thân bà nay đã lớn tuổi nên việc trả số tiền lớn như thế làm một lần là bà không có khả năng. Do đó bà đề nghị Ngân hàng bỏ hết tiền nợ lãi, bà đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 13.050.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 20/6/2025 ông Huỳnh Văn N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông là anh trai của bà Nguyễn Thị M. Nhà đất số 746A đường P2, Ấp S1, xã U1 (xã X1, huyện Z1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh và thửa đất số: 120, 121, 122, 123, 124, 113, 114, 110, 111, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: xã U1 (xã X1, huyện Z1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của cha ông là Huỳnh Văn Khoa. Khi cha ông mất không hiểu lý do tại sao mà bà Nguyễn Thị M lại sang tên được cho bà Nguyễn Thị M. Nay phát sinh tranh chấp giữa Ngân hàng, ông Nhân và Ngân hàng có yêu cầu phát mãi tài sản ông có ý kiến như sau:

Ông không liên quan đến tranh chấp giữa Ngân hàng và ông Nhân. Các tài sản trên ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị T2 cùng các con là Huỳnh Thị P, Huỳnh Thị Kim C, Huỳnh Vân N1 và hai cháu là Huỳnh Tấn L1, Huỳnh Minh T3 cư trú từ trước đến nay. Do đó ông và mọi người vẫn có nguyện vọng ở đây. Ông không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 20/6/2025 bà Nguyễn Thị T2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà là chị dâu của bà Nguyễn Thị M. Nhà đất số 746A đường P2, Ấp S1, xã U1 (xã X1, huyện Z1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh và thửa đất số: 120, 121, 122, 123, 124, 113, 114, 110, 111, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: xã U1 (xã X1, huyện Z1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của cha chồng bà. Bà chỉ ở chung với chồng bà cùng con cháu. Bà không liên quan đến tranh chấp giữa Ngân hàng và ông Nhân, bà Nguyễn Thị M nên bà không có ý kiến gì. Trong quá trình sinh sống tại đây bà cũng không đóng góp công sức tôn tạo giữ gìn gì đối với tài sản trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn yêu cầu ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 18/9/2025 là 83.822.132.195 đồng, trong đó: Nợ gốc là 13.050.000.000 đồng; lãi trong hạn là 1.088.184.305 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.243.985.391 đồng; lãi phạt gốc là 64.439.962.499 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp ông Nhân, bà Nguyễn Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Hiện nay Ngân hàng đang giữ bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tài sản thế chấp. Sau khi ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 và bà Nguyễn Thị M trả hết số nợ trên thì Ngân hàng sẽ trả lại bản chính giấy tờ trên cho bà Nguyễn Thị M.

Đối với chi phí tố tụng như chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ, thẩm định giá và chi phí đăng báo, đề nghị bị đơn hoàn lại cho nguyên đơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện vì thời hạn của các Hợp đồng chỉ đến năm 2012 và năm 2013 nhưng đến nay nguyên đơn mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện.

Bị đơn đồng ý trả số tiền nợ gốc là 13.050.000.000 đồng nhưng đề nghị được trả trong thời hạn 06 tháng đến 01 năm.

Đối với tiền lãi đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vì hết thời hiệu khởi kiện.

Bị đơn đồng ý chịu chi phí tố tụng như chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ, thẩm định giá và chi phí đăng báo.

- Bà Nguyễn Thị M là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng ý liên đới cùng ông Nhân trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 13.050.000.000 đồng nhưng đề nghị được trả trong thời hạn 06 tháng đến 01 năm. Bà đề nghị nguyên đơn bỏ lãi. Trường hợp hết thời hạn mà bà và ông Nhân không trả được thì đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

- Nguyên đơn không đồng ý yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn vì cho rằng vào năm 2013 nguyên đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân quận G3 đã đình chỉ giải quyết vụ án do bị đơn không còn hoạt động tại địa chỉ khai báo trong giấy đăng ký kinh doanh và nguyên đơn không biết địa chỉ nào khác của bị đơn.

Kể từ đó đến nay do không liên lạc được với ông Nhân nên nguyên đơn vẫn tiếp tục làm việc với bà Nguyễn Thị M để xác lập lại thời hạn trả nợ, điều này thể hiện trong các biên bản làm việc ngày 27/5/2016, ngày 16/7/2020, ngày 30/11/2020, ngày 19/6/2020. Ngày 05/9/2025, bà Nguyễn Thị M và ông Tâm là đại diện bị đơn tiếp tục làm đơn xin miễn giảm lãi và đề nghị trả tiền nợ gốc trong thời hạn 06 tháng đến 01 năm kể từ ngày 05/9/2025 đến ngày 05/9/2026. Do đó hợp đồng vẫn tiếp diễn từ đó cho đến nay và thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn vì cho rằng người ký kết hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4, không phải bà Nguyễn Thị M. Ông Nhân mặc dù ở Úc nhưng vẫn đi đi về về thường xuyên tại Việt Nam. Ông Nhân không nhận được bất kì thông báo nào của Ngân hàng về hợp đồng tín dụng trên. Ông chỉ là người được ông Nhân ủy quyền để tham gia tố tụng tại Tòa án, không được ủy quyền để thương lượng với Ngân hàng về việc xác lập lại thời hạn trả nợ. Việc ông làm đơn đề nghị ngày 05/9/2025 là trong quá trình giải quyết vụ án, để thỏa thuận giải quyết vụ án chứ không phải là xác lập lại thời hiệu khởi kiện.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 137/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực W3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc là 13.050.000.000 (Mười ba tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Sau khi ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 và bà Nguyễn Thị M thanh toán hết số tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP B có trách nhiệm trả lại bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành C309491, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 03.QSDĐ/1133 do UBND huyện Z1 cấp ngày 20/10/1997 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 695/2003 do UBND huyện Z1 cấp ngày 09/10/2003 cho bà Nguyễn Thị M.

1.3. Đến hạn trả nợ mà ông Lâm Quang Thanh N - Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 và bà Nguyễn Thị M không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số: 120, 121, 122, 123, 124, 113, 114, 110, 111, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: xã U1 (xã X1, huyện Z1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành C309491, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 03.QSDĐ/1133 do UBND huyện Z1 cấp ngày 20/10/1997 và theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Công ty Xây dựng Đo đạc Bản đồ Sài Gòn lập ngày 11/7/2025.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số: 120-1, tờ bản đồ số 20 - sơ đồ nền, địa chỉ: Đường P2, Ấp S1, xã U1 (xã X1, huyện Z1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 695/2003 do UBND huyện Z1 cấp ngày 09/10/2003.

1.4. Buộc bà Tư, bà Phượng, ông Năm, bà Chi, ông Nam, ông Lộc, trẻ Thư (do ông Nam là người giám hộ hợp pháp) cùng những người đang cư trú phải dọn ra khỏi nhà đất thế chấp khi cơ quan Thi hành án thực hiện việc phát mãi tài sản.

1.5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 và bà Nguyễn Thị M phải trả số tiền nợ lãi trong hạn là 1.088.184.305 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.243.985.391 đồng; lãi phạt gốc là 64.439.962.499 đồng do hết thời hiệu khởi kiện.

1.6. Ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ, thẩm định giá và đăng báo tổng cộng là 49.197.091 (Bốn mươi chín triệu một trăm chín mươi bảy nghìn không trăm chín mươi mốt) đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

- Ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 và bà Nguyễn Thị M được miễn án phí.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm nộp án phí là 44.532.011 (Bốn mươi bốn triệu năm trăm ba mươi hai nghìn không trăm mười một) đồng theo biên lai thu tiền số: 0012517 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận W (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng thi hành án dân sự khu vực W).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 10/10/2025, Ngân hàng TMCP B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với yêu cầu: Không đồng ý việc án sơ thẩm Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ngân hàng yêu cầu ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 và bà Nguyễn Thị M phải trả số tiền nợ lãi trong hạn là 1.088.184.305 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.243.985.391 đồng; lãi phạt gốc là 64.439.962.499 đồng do hết thời hiệu khởi kiện; Đề nghị chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn vì còn thời hiệu.

Ngày 13/10/2025 bà Nguyễn Thị M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với yêu cầu: Chấp nhận cho bị đơn và bà trả số nợ gốc 13.050.000.000 đồng trong thời hạn một năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn và bà Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện ngân hàng đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M về việc kéo dài thời gian trả nợ là 1 năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M; Hủy một phần bản án sơ thẩm về yêu cầu đòi tiền lãi của Ngân hàng TMCP B vì còn thời hiệu khởi kiện theo Điều khoản chung của các Hợp đồng tín dụng, giao Tòa án cấp sơ thẩm xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Các phần khác của án sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B và bà Nguyễn Thị M làm trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bà Nguyễn Thị M có đủ căn cứ để xác định:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 005/HMTD-2011 ngày 19/01/2011; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng bổ sung số 005/HMTDBS-2011 ngày 08/10/2011; Hợp đồng tín dụng số 014/TD-2011 ngày 20/01/2011; Hợp đồng tín dụng số 224/TD-2011 ngày 08/10/2011 và lời khai của các đương sự thể hiện Ngân hàng TMCP B đã đồng ý cấp tín dụng cho Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T và đã giải ngân với tổng số tiền là 14.150.000.000 đồng, cụ thể theo các giấy nhận nợ như sau:

- Giấy nhận nợ số: 01/014/TD-2011 ngày 20/01/2011:

+ Số tiền giải ngân: 2.000.000.000 đồng;

+ Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Thời hạn vay: từ ngày 20/11/2011 đến ngày 20/11/2012;

+ Lãi suất cho vay: 20%/năm.

- Giấy nhận nợ số: 02/014/TD-2011 ngày 21/01/2011:

+ Số tiền giải ngân: 11.000.000.000 đồng;

+ Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Thời hạn vay: từ ngày 21/01/2011 đến ngày 21/01/2012;

+ Lãi suất cho vay: 20%/năm.

- Giấy nhận nợ số: 01/224/TD-2011 ngày 13/10/2011:

+ Số tiền giải ngân: 885.000.000 đồng;

+ Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Thời hạn vay: từ ngày 13/10/2011 đến ngày 08/4/2012;

+ Lãi suất cho vay: 23%/năm.

- Giấy nhận nợ số: 02/224/TD-2011 ngày 11/11/2011:

+ Số tiền giải ngân: 265.000.000 đồng ;

+ Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh;

+ Thời hạn vay: từ ngày 11/11/2011 đến ngày 08/4/2012;

+ Lãi suất cho vay: 23%/năm.

Thực hiện Hợp đồng bị đơn chỉ thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 1.100.000.000 đồng, còn lại nợ gốc 13.050.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

- Về nghĩa vụ liên đới trả nợ: Bà Nguyễn Thị M tự nguyện liên đới cùng ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 trả số nợ trên cho nguyên đơn. Yêu cầu của bà Nguyễn Thị M được nguyên đơn, bị đơn đồng ý.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn và bà Mười liên đới trả số nợ gốc 13.050.000.000 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ, phần này các đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn và bà Mười liên đới trả khoản tiền nợ lãi trong hạn là 1.088.184.305 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.243.985.391 đồng; lãi phạt gốc là 64.439.962.499 đồng trên số tiền nợ gốc vì cho rằng còn thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm.

Căn cứ Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 005/HMTD-2011 ngày 19/01/2011; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng bổ sung số 005/HMTDBS-2011 ngày 08/10/2011 thời hạn vay 02 năm đến hết ngày 19/01/2013;

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 014/TD-2011 ngày 20/01/2011 (cấp tín dụng theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 005/HMTD-2011 ngày 19/01/2011 thời hạn vay: 12 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/01/2012;

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 224/TD-2011 ngày 08/10/2011 (cấp tín dụng theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng bổ sung số 005/HMTDBS-2011 ngày 08/10/2011 thời hạn vay là 06 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng: 08/4/2012;

Căn cứ Giấy nhận nợ số: 01/014/TD-2011 ngày 20/01/2011 thời hạn vay từ ngày 20/11/2011 đến ngày 20/11/2012;

Căn cứ Giấy nhận nợ số: 02/014/TD-2011 ngày 21/01/2011 thời hạn vay từ ngày 21/01/2011 đến ngày 21/01/2012;

Căn cứ Giấy nhận nợ số: 01/224/TD-2011 ngày 13/10/2011 thời hạn vay: từ ngày 13/10/2011 đến ngày 08/4/2012;

Căn cứ Giấy nhận nợ số: 02/224/TD-2011 ngày 11/11/2011 thời hạn vay: từ ngày 11/11/2011 đến ngày 08/4/2012;

Căn cứ Bảng tính lãi ngày 18/9/2025 và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa thì trong các ngày 26/10/2011, ngày 26/11/2011, ngày 26/12/2011, ngày 30/01/2012, ngày 27/02/2012, ngày 26/03/2012, ngày 30/03/2012, ngày 08/4/2012 số nợ vay của bị đơn đã bị chuyển thành nợ quá hạn.

Ngày 15/12/2022, nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng trên, nguyên đơn chỉ có thể khởi kiện bị đơn yêu cầu đòi lại tài sản là số nợ gốc mà nguyên đơn đã cho bị đơn vay.

Nguyên đơn cho rằng vào năm 2013 nguyên đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân quận G3 đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên nguyên đơn cũng xác định khi Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án nguyên đơn không thực hiện quyền kháng cáo theo quy định.

Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 153 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trường hợp nếu có sự kiện làm gián đoạn thì thời hiệu phải được tính lại từ đầu, sau khi sự kiện làm gián đoạn chấm dứt.

Theo quy định thì Nguyên đơn được quyền khởi kiện bị đơn tại nơi cư trú cuối cùng mà nguyên đơn biết được gần nhất, tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan có thẩm quyền cấp, xác nhận. Nhưng đến ngày 15/12/2022 nguyên đơn mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có hiệu lực từ ngày 01/7/2017.

Căn cứ biên bản làm việc ngày 27/5/2016, ngày 16/7/2020, ngày 30/11/2020, ngày 19/6/2020 thể hiện giữa nguyên đơn và bà Nguyễn Thị M có thỏa thuận lại về thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, người ký kết hợp đồng tín dụng với bị đơn là Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T (do ông Lâm Quang Thanh N là chủ doanh nghiệp), không phải bà Nguyễn Thị M. Việc xác lập thời hạn trả nợ không được bị đơn đồng ý do đó ý kiến của đại diện nguyên đơn về việc xác lập lại thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận.

Nguyên đơn cho rằng ngày 05/9/2025, bà Nguyễn Thị M và ông Tâm là đại diện bị đơn tiếp tục làm đơn xin miễn giảm lãi và đề nghị trả tiền nợ gốc trong thời hạn 06 tháng đến 01 năm kể từ ngày 05/9/2025 đến ngày 05/9/2026. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 29/7/2025, ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T ủy quyền cho ông Tâm để đại diện ông Nhân tham gia tố tụng tại Tòa án khu vực 7, không có nội dung ủy quyền để làm việc với Ngân hàng xin miễn giảm lãi và gia hạn thời gian trả nợ.

Ngày 18/9/2025, ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 cũng có đơn xác nhận ông không biết và không đồng ý việc ông Tâm thỏa thuận riêng với Ngân hàng về thời gian trả nợ. Do đó thỏa thuận giữa ông Tâm và Ngân hàng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của ông Nhân đối với phần thỏa thuận được thực hiện vượt quá phạm vi đại diện theo quy định tại Điều 143 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thời hiệu và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi là đúng quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên giữ nguyên phần này của án sơ thẩm, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận xét trên thấy rằng việc đề nghị hủy một phần về yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn, giao cấp sơ thẩm xét xử lại là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M yêu cầu cùng liên đới với bị đơn trả số tiền nợ gốc trong thời hạn 01 năm nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bà Mười.

[2.4] Các phần khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP B phải chịu án phí là 2.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP B và của bà Nguyễn Thị M.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc là 13.050.000.000 (Mười ba tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Sau khi ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 và bà Nguyễn Thị M thanh toán hết số tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP B có trách nhiệm trả lại bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành C309491, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 03.QSDĐ/1133 do UBND huyện Z1 cấp ngày 20/10/1997 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 695/2003 do UBND huyện Z1 cấp ngày 09/10/2003 cho bà Nguyễn Thị M.

1.3. Đến hạn trả nợ nêu trên mà ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 và bà Nguyễn Thị M không trả hoặc trả

không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số: 120, 121, 122, 123, 124, 113, 114, 110, 111, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: xã U1 (xã X1, huyện Z1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành C309491, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 03.QSDĐ/1133 do UBND huyện Z1 cấp ngày 20/10/1997 và theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Công ty Xây dựng Đo đạc Bản đồ Sài Gòn lập ngày 11/7/2025.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số: 120-1, tờ bản đồ số 20 - sơ đồ nền, địa chỉ: Đường P2, Ấp S1, xã U1 (xã X1, huyện Z1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 695/2003 do UBND huyện Z1 cấp ngày 09/10/2003.

1.4. Buộc bà Tư, bà Phượng, ông Năm, bà Chi, ông Nam, ông Lộc, trẻ Thư (do ông Nam là người giám hộ hợp pháp) cùng những người đang cư trú phải dọn ra khỏi nhà đất thế chấp khi cơ quan Thi hành án thực hiện việc phát mãi tài sản.

1.5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 và bà Nguyễn Thị M phải trả số tiền nợ lãi trong hạn là 1.088.184.305 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.243.985.391 đồng; lãi phạt gốc là 64.439.962.499 đồng do hết thời hiệu khởi kiện.

1.6. Ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ, thẩm định giá và đăng báo tổng cộng là 49.197.091 (Bốn mươi chín triệu một trăm chín mươi bảy nghìn không trăm chín mươi mốt) đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Lâm Quang Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng T4 và bà Nguyễn Thị M được miễn án phí.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm nộp án phí là 44.532.011 (Bốn mươi bốn triệu năm trăm ba mươi hai nghìn không trăm mười một) đồng theo biên lai thu tiền số: 0012517 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận W (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng thi hành án dân sự khu vực W).

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng TMCP B phải chịu 2.000.000 đồng được trừ vào Biên lai thu ký hiệu: BLTU/25E, số 0028644 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị M được miễn án phí phúc thẩm;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- TAND khu vực W;
- Phòng THADS khu vực W;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

2025KTPT45065
1 000138 378216
29.01.2026 11:11
Ngân hàng TMCP Bản Việt

Lê Thọ Viên